#### PHIẾU KHẢO SÁT HIỆP HỘI

**CHỈ SỐ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH**

**CỦA CÁC BỘ NĂM 2014 (MEI 2014)**

     (*tên tỉnh/thành phố*) ngày       tháng       năm 2014

|  |
| --- |
| *Tất cả thông tin mà Hiệp hội cung cấp trong Phiếu khảo sát này sẽ chỉ được* ***sử dụng duy nhất vào mục đích thống kê và nghiên cứu****. Chúng tôi cam kết không công khai các thông tin này.* |

*Hiệp hội có thể tham khảo các thông tin về chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý của từng Bộ ngành tại trang http://*[*MEI.vibonline.com.vn*](http://www.khaosat.vibonline.com.vn) *hoặc liên hệ trực tiếp với chúng tôi.*

*Hiệp hội chỉ đánh giá về các vấn đề của các Bộ ngành mà Hiệp hội có thông tin. Hiệp hội* ***để trống/bỏ qua*** *các câu hỏi/ phương án trả lời mà do phạm vi hoạt động không liên quan hoặc vì lý do nào đó Hiệp hội chưa có đủ thông tin để đánh giá.*

##### Thông tin chung

Tên Hiệp hội:

Địa chỉ:

Số điện thoại:      Số fax:

Email:     Website:

Họ và tên người trả lời phiếu khảo sát:

Chức vụ:      Số điện thoại:

Email người trả lời:

**Tổng quan về Hiệp hội**

1. Hiệp hội được **thành lập** năm nào?
2. Hiệp hội là? *(Đánh dấu ✓ vào 01 ô thích hợp)*

Hiệp hội **cấp quốc gia** hoặc **cấp vùng/liên tỉnh** (do Bộ hoặc cấp tương đương ra Quyết định thành lập)

Hiệp hội **cấp địa phương** (do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định thành lập)

1. Hiệp hội là?*(Đánh dấu ✓ vào 01 ô thích hợp)*

Hiệp hội **tổng hợp** (với hội viên hoạt động trong nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau)

Hiệp hội **ngành nghề** (**Hiệp hội ngành hàng** hoặc **Hiệp hội nghề nghiệp)**

(với hội viên hoạt động trong một/một số lĩnh vực ngành hàng hoặc nghề chuyên môn nhất định)

Hiệp hội khác

1. Số lượng **hội viên** của Hiệp hội hiện tại là:*(Điền số vào các chỗ trống)*

* Hội viên chính thức:      hội viên

(trong đó có     là doanh nghiệp;     là tổ chức, cá nhân khác)

* Hội viên liên kết:      hội viên
* Hội viên khác:      hội viên

1. Hàng hóa/dịch vụ mà hội viên Hiệp hội kinh doanh: *(Đánh dấu ✓ vào 01 ô thích hợp)*

Chủ yếu (trên 60%) là để **xuất khẩu**

Chủ yếu (trên 60%) tiêu thụ/cung cấp**trong nước**

Khoảng một nửa để xuất khẩu, một nửa tiêu thụ/cung cấp trong nước

1. Các nhóm **hoạt động** chủ yếu của Hiệp hội hiện nay là?

*(Đánh dấu ✓ vào các ô và điền số vào các chỗ trống)*

**Xúc tiến** thương mại, cung cấp **thông tin, đào tạo** năng lực cho hội viên:

Chiếm khoảng      % thời gian làm việc của Hiệp hội

**Tư vấn, đại diện, bảo vệ lợi ích** của hội viên trong **các vấn đề chính sách, pháp luật**

Chiếm khoảng      % thời gian làm việc của Hiệp hội

Giúp tạo **liên kết, xử lý/tháo gỡ các bất đồng** giữa các hội viên

Chiếm khoảng      % thời gian làm việc của Hiệp hội

Các hoạt động khác (vui lòng nêu rõ:     )

**Phần A. Đánh giá hiệu quả hoạt động xây dựng pháp luật về kinh doanh**

*Chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh (VBPL) phụ thuộc một phần quan trọng vào quá trình Bộ đánh giá sự cần thiết của việc soạn thảo/ban hành VBPL và lấy ý kiến rộng rãi từ công chúng đối với dự thảo VBPL. Đây đồng thời cũng là các nghĩa vụ của Bộ trong quá trình xây dựng các VBPL.*

*Phần A của Phiếu khảo sát này tìm hiểu cảm nhận và thu thập thông tin từ Hiệp hội về việc thực hiện các hoạt động này trong năm 2014 của Bộ, từ đó đánh giá chất lượng hoạt động xây dựng pháp luật của Bộ.*

(***Xin vui lòng xem ghi chú phía cuối trang để biết về các VBPL được xem xét trong Khảo sát này[[1]](#footnote-1)***)

**A1. Xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh**

1a. Theo Hiệp hội, các VBPL mà Bộ soạn thảo trong năm 2014 có **nhằm đáp ứng nhu cầu** của doanh nghiệp và xã hội không?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, đánh dấu ✓ vào 01 ô thích hợp cho mỗi dòng; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | *Có, với tất cả các VBPL* | *Có, với phần lớn các VBPL* | *Có, với khoảng một nửa số VBPL* | *Có, nhưng chỉ với một số ít VBPL* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |

1b. Xin vui lòng nêu một (một số) **ví dụ** về các VBPL Bộ soạn thảo năm 2014 mà Hiệp hội cho là *không nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội*:

2. Từ góc độ của người được lấy ý kiến, theo Hiệp hội, Bộ có **cầu thị** (thực sự mong muốn tiếp nhận góp ý) khi lấy ý kiến đối với các VBPL mà Bộ soạn thảo năm 2014 không?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, điền số vào các ô tương ứng mức độ cầu thị: 1-Không cầu thị; 2- Ít cầu thị; 3-Trung bình; 4-Khá cầu thị; 5-Rất cầu thị; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | ***Hình thức lấy ý kiến và mức độ hiệu quả*** | | | |
| *Hội thảo, tọa đàm* | *Lấy ý kiến trên Website của Bộ* | *Gửi Công văn xin ý kiến* | *Hình thức khác*  *(gửi email xin ý kiến, mời họp Tổ biên tập, họp với các cơ quan thẩm định, thẩm tra…)* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |

3. Đối với những dự thảo VBPL mà Bộ đã lấy ý kiến Hiệp hội trong năm 2014, Hiệp hội có được Bộ cho **biết về dự thảo cuối cùng** trước khi trình ban hành không?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, đánh dấu ✓ vào 01 ô thích hợp cho mỗi dòng; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | *Có, trong tất cả các trường hợp* | *Có, trong đa số các trường hợp* | *Có, trong khoảng một nửa các trường hợp* | *Có, nhưng chỉ trong một vài trường hợp* | *Hầu như không* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |  |

4. Khi hỏi ý kiến cho các dự thảo VBPL năm 2014, Bộ có cung cấp những **thông tin** sau đây cho các đối tượng góp ý không?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, điền số vào các ô tương ứng với mức độ thường xuyên: 1-Không bao giờ; 2-Hiếm khi; 3-Bình thường; 4-Khá thường xuyên; 5-Luôn luôn; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | ***Thông tin cung cấp và mức độ thường xuyên*** | | |
| *Dự thảo* | *Danh mục những vấn đề cơ bản cần xin ý kiến* | *Các tài liệu khác*  *(tổng kết thực tiễn, đánh giá tác động…)* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |

5. Hiệp hội đánh giá như thế nào về **thời hạn** mà Bộ thường ấn định để doanh nghiệp, Hiệp hội góp ý các dự thảo VBPL trong năm 2014?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, đánh dấu ✓ vào 01 ô thích hợp cho mỗi dòng; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | *Đủ thời gian* | *Hơi ngắn* | *Quá ngắn, không thể góp ý kịp* | *Không ổn định*  *(Có khi để thời hạn dài, có khi để thời hạn quá ngắn, có khi không quy định thời hạn)* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |

6. Theo Hiệp hội, năm 2014 Bộ thường **tiếp thu** các ý kiến góp ý của Hiệp hội theo cách nào dưới đây?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, đánh dấu ✓ vào 01 ô thích hợp cho mỗi dòng; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Stt* | ***Lĩnh vực*** | *Tiếp thu ý kiến của Hiệp hội,ý kiến nào không tiếp thu thì có giải trình* | *Tiếp thu một phần ý kiến của Hiệp hội, một phần ý kiến không tiếp thu nhưng không có giải trình* | *Không tiếp thu ý kiến nào của Hiệp hội mà cũng không có giải trình gì* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |

**A2. Chất lượng của các văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh được ban hành**

7a. Liên quan đến **tính minh bạch** trong nội dung các VBPL ban hành năm 2014, Hiệp hội có đồng ý với các nhận định dưới đây không?

*(Đối với các lĩnh vực mà Hiệp hội có thông tin, điền số vào các ô tương ứng với mức độ đồng ý: 1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý lắm; 3-Đồng ý phần nào; 4-Đồng ý phần lớn; 5- Hoàn toàn đồng ý; Bỏ qua các lĩnh vực mà Hiệp hội không có thông tin)*

| ***Stt*** | ***Lĩnh vực*** | ***Các nhận định về mức độ minh bạch của VBPL*** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Hầu hết các quy định đều rõ ràng, chặt chẽ* | | *Các quy định về điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục hầu hết là rõ ràng* |
| *về quyền và nghĩa vụ* ***của doanh nghiệp*** | *về quyền và nghĩa vụ* ***của cơ quan Nhà nước*** |
| 1 | Thương mại hàng hoá, dịch vụ, xuất nhập khẩu |  |  |  |
| 2 | Quản lý cạnh tranh |  |  |  |
| 3 | Cơ khí, luyện kim, công nghiệp khai thác |  |  |  |
| 4 | Năng lượng (điện, dầu, năng lượng mới/tái tạo...) |  |  |  |
| 5 | Công nghiệp thực phẩm |  |  |  |
| 6 | Công nghiệp tiêu dùng |  |  |  |
| 7 | Giao thông vận tải đường bộ |  |  |  |
| 8 | Giao thông vận tải đường sắt |  |  |  |
| 9 | Giao thông vận tải đường thuỷ nội địa |  |  |  |
| 10 | Giao thông vận tải hàng hải |  |  |  |
| 11 | Giao thông vận tải hàng không |  |  |  |
| 12 | Thành lập, phát triển doanh nghiệp |  |  |  |
| 13 | Đầu tư |  |  |  |
| 14 | Đấu thầu |  |  |  |
| 15 | Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng |  |  |  |
| 16 | Hoạt động khoa học và công nghệ (nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ…) |  |  |  |
| 17 | Sở hữu trí tuệ |  |  |  |
| 18 | Lao động, tiền lương |  |  |  |
| 19 | Bảo hiểm xã hội (ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất, bảo hiểm thất nghiệp) |  |  |  |
| 20 | Việc làm, dạy nghề |  |  |  |
| 21 | An toàn, vệ sinh lao động |  |  |  |
| 22 | Nông – Lâm nghiệp |  |  |  |
| 23 | Ngư nghiệp và Thuỷ sản |  |  |  |
| 24 | Chứng khoán |  |  |  |
| 25 | Hải quan |  |  |  |
| 26 | Kế toán, kiểm toán |  |  |  |
| 27 | Thuế, phí, lệ phí |  |  |  |
| 28 | Quản lý giá |  |  |  |
| 29 | Bảo hiểm thương mại |  |  |  |
| 30 | Đất đai |  |  |  |
| 31 | Môi trường |  |  |  |
| 32 | Tài nguyên (nước, khoáng sản, địa chất, trừ đất đai) |  |  |  |
| 33 | Báo chí, xuất bản |  |  |  |
| 34 | Bưu chính, viễn thông |  |  |  |
| 35 | Công nghệ thông tin |  |  |  |
| 36 | Pháp luật dân sự |  |  |  |
| 37 | Thi hành án dân sự |  |  |  |
| 38 | Đăng ký giao dịch bảo đảm |  |  |  |
| 39 | Bổ trợ tư pháp (đấu giá, luật sư, công chứng, giám định tư pháp, trọng tài thương mại ) |  |  |  |
| 40 | Pháp luật chung khác (quy trình ban hành VBPL…) |  |  |  |
| 41 | Du lịch |  |  |  |
| 42 | Văn hóa, thể thao |  |  |  |
| 43 | Xây dựng, kiến trúc, quy hoạch xây dựng |  |  |  |
| 44 | Kinh doanh bất động sản |  |  |  |
| 45 | Quản lý dược, mỹ phẩm |  |  |  |
| 46 | An toàn thực phẩm |  |  |  |
| 47 | Bảo hiểm y tế |  |  |  |
| 48 | Khám bệnh, chữa bệnh |  |  |  |
| 49 | Trang thiết bị y tế |  |  |  |
| 50 | Quản lý tiền tệ (lãi suất, tỷ giá, dự trữ bắt buộc…) |  |  |  |
| 51 | Thành lập, quản lý, thực hiện hoạt động ngân hàng |  |  |  |
| 52 | Chức năng ngân hàng trung ương (phát hành tiền, tái cấp vốn, quản lý hoạt động thanh toán…) |  |  |  |

7b. Nếu có thể, vui lòng nêu một (một số) *ví dụ về quy định thiếu minh bạch* trong VBPL năm 2014 mà Hiệp hội biết:

8a. Liên quan đến **tính thống nhất và khả thi** trong nội dung các VBPLban hành năm 2014, Hiệp hội có đồng ý với các nhận định dưới đây không?

*(Đối với các lĩnh vực mà Hiệp hội có thông tin, điền số vào các ô tương ứng với mức độ đồng ý: 1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý lắm; 3-Đồng ý phần nào; 4-Đồng ý phần lớn; 5- Hoàn toàn đồng ý; Bỏ qua các lĩnh vực mà Hiệp hội không có thông tin)*

| ***Stt*** | ***Lĩnh vực*** | ***Các nhận định về mức độ thống nhất và khả thi của VBPL*** | |
| --- | --- | --- | --- |
| *Các quy định hầu hết là không mâu thuẫn, chồng chéo nhau; không trái với văn bản cấp trên* | *Các thủ tục, điều kiện hầu hết có thể thực hiện thuận lợi trên thực tế* |
| 1 | Thương mại hàng hoá, dịch vụ, xuất nhập khẩu |  |  |
| 2 | Quản lý cạnh tranh |  |  |
| 3 | Cơ khí, luyện kim, công nghiệp khai thác |  |  |
| 4 | Năng lượng (điện, dầu, năng lượng mới/tái tạo...) |  |  |
| 5 | Công nghiệp thực phẩm |  |  |
| 6 | Công nghiệp tiêu dùng |  |  |
| 7 | Giao thông vận tải đường bộ |  |  |
| 8 | Giao thông vận tải đường sắt |  |  |
| 9 | Giao thông vận tải đường thuỷ nội địa |  |  |
| 10 | Giao thông vận tải hàng hải |  |  |
| 11 | Giao thông vận tải hàng không |  |  |
| 12 | Thành lập, phát triển doanh nghiệp |  |  |
| 13 | Đầu tư |  |  |
| 14 | Đấu thầu |  |  |
| 15 | Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng |  |  |
| 16 | Hoạt động khoa học và công nghệ (nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ…) |  |  |
| 17 | Sở hữu trí tuệ |  |  |
| 18 | Lao động, tiền lương |  |  |
| 19 | Bảo hiểm xã hội (ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất, bảo hiểm thất nghiệp) |  |  |
| 20 | Việc làm, dạy nghề |  |  |
| 21 | An toàn, vệ sinh lao động |  |  |
| 22 | Nông – Lâm nghiệp |  |  |
| 23 | Ngư nghiệp và Thuỷ sản |  |  |
| 24 | Chứng khoán |  |  |
| 25 | Hải quan |  |  |
| 26 | Kế toán, kiểm toán |  |  |
| 27 | Thuế, phí, lệ phí |  |  |
| 28 | Quản lý giá |  |  |
| 29 | Bảo hiểm thương mại |  |  |
| 30 | Đất đai |  |  |
| 31 | Môi trường |  |  |
| 32 | Tài nguyên (nước, khoáng sản, địa chất trừ đất đai) |  |  |
| 33 | Báo chí, xuất bản |  |  |
| 34 | Bưu chính, viễn thông |  |  |
| 35 | Công nghệ thông tin |  |  |
| 36 | Pháp luật dân sự |  |  |
| 37 | Thi hành án dân sự |  |  |
| 38 | Đăng ký giao dịch bảo đảm |  |  |
| 39 | Bổ trợ tư pháp |  |  |
| 40 | Pháp luật chung (quy trình ban hành VBPL…) |  |  |
| 41 | Du lịch |  |  |
| 42 | Văn hóa, thể thao |  |  |
| 43 | Xây dựng, kiến trúc, quy hoạch xây dựng |  |  |
| 44 | Kinh doanh bất động sản |  |  |
| 45 | Quản lý dược, mỹ phẩm |  |  |
| 46 | An toàn thực phẩm |  |  |
| 47 | Bảo hiểm y tế |  |  |
| 48 | Khám bệnh, chữa bệnh |  |  |
| 49 | Trang thiết bị y tế |  |  |
| 50 | Quản lý tiền tệ (lãi suất, tỷ giá, dự trữ bắt buộc…) |  |  |
| 51 | Thành lập, quản lý, thực hiện hoạt động ngân hàng |  |  |
| 52 | Chức năng ngân hàng trung ương (phát hành tiền, tái cấp vốn, quản lý hoạt động thanh toán…) |  |  |

8b. Nếu có thể, vui lòng nêu một (một số) *ví dụ về quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không khả thi* trong VBPL năm 2014 mà Hiệp hội biết:

9a. Liên quan đến **tính hợp lý** của các quy định trong các VBPL ban hành năm 2014, Hiệp hội có đồng ý với các nhận định dưới đây không?

*(Đối với các lĩnh vực mà Hiệp hội có thông tin, điền số vào các ô tương ứng với mức độ đồng ý: 1-Hoàn toàn không đồng ý; 2-Không đồng ý lắm; 3-Đồng ý phần nào; 4-Đồng ý phần lớn; 5-Hoàn toàn đồng ý; Bỏ qua các lĩnh vực mà Hiệp hội không có thông tin)*

| ***Stt*** | ***Lĩnh vực*** | ***Các nhận định về mức độ hợp lý của VBPL*** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Hầu hết các quy định giúp bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp và xã hội* | *Hầu hết các quy định không cản trở bất hợp lý quyền tự do kinh doanh* | *Hầu hết các thủ tục, điều kiệnkhông làm tăng chi phí bất hợp lý cho doanh nghiệp và xã hội* |
| 1 | Thương mại hàng hoá, dịch vụ, xuất nhập khẩu |  |  |  |
| 2 | Quản lý cạnh tranh |  |  |  |
| 3 | Cơ khí, luyện kim, công nghiệp khai thác |  |  |  |
| 4 | Năng lượng (điện, dầu, năng lượng mới/tái tạo...) |  |  |  |
| 5 | Công nghiệp thực phẩm |  |  |  |
| 6 | Công nghiệp tiêu dùng |  |  |  |
| 7 | Giao thông vận tải đường bộ |  |  |  |
| 8 | Giao thông vận tải đường sắt |  |  |  |
| 9 | Giao thông vận tải đường thuỷ nội địa |  |  |  |
| 10 | Giao thông vận tải hàng hải |  |  |  |
| 11 | Giao thông vận tải hàng không |  |  |  |
| 12 | Thành lập, phát triển doanh nghiệp |  |  |  |
| 13 | Đầu tư |  |  |  |
| 14 | Đấu thầu |  |  |  |
| 15 | Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng |  |  |  |
| 16 | Hoạt động khoa học và công nghệ (nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ…) |  |  |  |
| 17 | Sở hữu trí tuệ |  |  |  |
| 18 | Lao động, tiền lương |  |  |  |
| 19 | Bảo hiểm xã hội (ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất, bảo hiểm thất nghiệp) |  |  |  |
| 20 | Việc làm, dạy nghề |  |  |  |
| 21 | An toàn, vệ sinh lao động |  |  |  |
| 22 | Nông – Lâm nghiệp |  |  |  |
| 23 | Ngư nghiệp và Thuỷ sản |  |  |  |
| 24 | Chứng khoán |  |  |  |
| 25 | Hải quan |  |  |  |
| 26 | Kế toán, kiểm toán |  |  |  |
| 27 | Thuế, phí, lệ phí |  |  |  |
| 28 | Quản lý giá |  |  |  |
| 29 | Bảo hiểm thương mại |  |  |  |
| 30 | Đất đai |  |  |  |
| 31 | Môi trường |  |  |  |
| 32 | Tài nguyên (nước, khoáng sản, địa chất trừ đất đai) |  |  |  |
| 33 | Báo chí, xuất bản |  |  |  |
| 34 | Bưu chính, viễn thông |  |  |  |
| 35 | Công nghệ thông tin |  |  |  |
| 36 | Pháp luật dân sự |  |  |  |
| 37 | Thi hành án dân sự |  |  |  |
| 38 | Đăng ký giao dịch bảo đảm |  |  |  |
| 39 | Bổ trợ tư pháp (đấu giá, luật sư, công chứng, giám định tư pháp, trọng tài thương mại ) |  |  |  |
| 40 | Pháp luật chung khác (Quy trình ban hành VBPL…) |  |  |  |
| 41 | Du lịch |  |  |  |
| 42 | Văn hóa, thể thao |  |  |  |
| 43 | Xây dựng, kiến trúc, quy hoạch xây dựng |  |  |  |
| 44 | Kinh doanh bất động sản |  |  |  |
| 45 | Quản lý dược, mỹ phẩm |  |  |  |
| 46 | An toàn thực phẩm |  |  |  |
| 47 | Bảo hiểm y tế |  |  |  |
| 48 | Khám bệnh, chữa bệnh |  |  |  |
| 49 | Trang thiết bị y tế |  |  |  |
| 50 | Quản lý tiền tệ (lãi suất, tỷ giá, dự trữ bắt buộc…) |  |  |  |
| 51 | Thành lập, quản lý, thực hiện hoạt động ngân hàng |  |  |  |
| 52 | Chức năng ngân hàng trung ương (phát hành tiền, tái cấp vốn, quản lý hoạt động thanh toán…) |  |  |  |

9b. Nếu có thể, vui lòng nêu một (một số) *ví dụ về quy định bất hợp lý, không hiệu quả hay hạn chế quyền tự do kinh doanh* trong VBPL năm 2014 mà Hiệp hội biết:

###### 

###### Phần B. Đánh giá hiệu quả hoạt động thi hành pháp luật về kinh doanh

*Thi hành các VBPL là một phần quan trọng trong chức năng, nhiệm vụ của Bộ. Quá trình này ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp và hiệu quả thực tế của các VBPL do Bộ soạn thảo/ban hành.*

*Phần B của Phiếu khảo sát này tìm hiểu cảm nhận và thu thập thông tin từ Hiệp hội về việc tổ chức triển khai các VBPL trong thực tế năm 2014 của Bộ, từ đó đánh giá chất lượng hoạt động thi hành pháp luật của Bộ.*

**B1. Công khai thông tin và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về kinh doanh**

10. Trong năm 2014, Hiệp hội có thể lấy **đủ** những **thông tin pháp luật** mà mình cần từ Bộ không?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, điền số vào các ô tương ứng với mức độ đầy đủ: 1-Không có; 2-Thiếu;*

*3-Trung bình (không đủ, cũng không quá thiếu); 4-Khá đủ; 5-Rất đầy đủ; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | ***Các loại thông tin và mức độ đầy đủ của thông tin*** | | | | |
| *VBPL* | *Nội dung thủ tục hành chính (biểu mẫu, quy trình...)* | *Tiêu chuẩn/*  *Quy chuẩn/*  *Định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành* | *Kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của Bộ* | *Công vănhướng dẫn/giải quyết vướng mắc trong thi hành các quy định trong lĩnh vực Bộ quản lý* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |  |

11. Trong năm 2014, Hiệp hội có thể **lấy các thông tin pháp luật từ Bộ** một cách **dễ dàng** (nhanh, không mất hoặc mất ít chi phí) không?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, điền số vào các ô tương ứng với mức độ dễ dàng: 1-Rất khó khăn; 2-Khó khăn; 3-Bình thường; 4-Dễ dàng; 5-Rất dễ dàng; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | ***Hình thức lấy thông tin và mức độ dễ dàng*** | | | |
| *Tìm trên website của Bộ* | *Gửi Công văn, email, gọi điện, trực tiếp đề nghị Bộ cung cấp hoặc chỉ dẫn nơi có thể lấy thông tin* | *Đọc hướng dẫn/lấy thông tin trực tiếp tại nơi làm thủ tục hành chính của Bộ* | *Xin thông tin từ cán bộ của Bộ mà Hiệp hội quen biết* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |

12. Theo Hiệp hội, **hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật** của Bộ năm 2014 có **hiệu quả** không? (tính cả các hoạt động Bộ phối hợp với các Sở, ngành hoặc các đơn vị khác)

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, điền số vào các ô tương ứng với* *mức độ hiệu quả: 1-Không hiệu quả;*

*2 – Hiệu quả thấp; 3-Bình thường; 4-Khá hiệu quả; 5-Rất hiệu quả; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | ***Các hình thức tuyên truyền và mức độ hiệu quả*** | | | |
| *Khóa học,*  *đào tạo, hội thảo, tọa đàm…* | *Ấn phẩm (tờ rơi, cẩm nang, sách tham khảo...)* | *Phương tiện truyền thông (báo chí, truyền hình)* | *Khác*  *(Cuộc thi, viết bài tìm hiểu …)* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |

**B2. Tổ chức thi hành pháp luật về kinh doanh**

13. Hiệp hội có **hài long** với việc **thực hiện các hoạt động** sau của Bộ trong năm 2014không?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, điền số vào các ô tương ứng với mức độ hài lòng:1-Hoàn toàn không hài lòng; 2-Không hài lòng lắm; 3-Bình thường; 4-Khá hài lòng; 5-Hoàn toàn hài lòng; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | ***Hoạt động thi hành pháp luật và mức độ hài lòng*** | | | | |
| *Xây dựng và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành* | *Thực hiện các thủ tục hành chính* | *Kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp* | *Giải quyết khiếu nại, tố cáo* | *Các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý chung của Bộ và (các) Bộ khác* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |  |

14a. Theo Hiệp hội, trong năm 2014, Bộ **hướng dẫn thi hành các VBPL** cấp trên thông qua **hình thức** nào? Có kịp thời không?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, điền số vào các ôtương ứng với mức độ kịp thời: 1-Rất chậm; 2-Chậm;*

*3-Không nhanh nhưng cũng không quá chậm; 4-Tương đối kịp thời; 5-Rất kịp thời; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | ***Hình thức hướng dẫn thi hành VBPLvà tính kịp thời*** | | | |
| *Ban hành Thông tư hướng dẫn* | *Ban hành Quyết định (của Bộ trưởng) có giá trị áp dụng chung* | *Ban hành Công văn có giá trị áp dụng chung* | *Hình thức khác* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |

14b. Vui lòng nêu một (một số) *ví dụ về các Quyết định, Công văn có giá trị áp dụng chung cho nhiều đối tượng* của Bộ mà Hiệp hội biết được:

15.Theo Hiệp hội, trong năm 2014, Bộ **có xử lý kịp thời những bất cập lớn, những vấn đề nóng** thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, đánh dấu ✓ vào 01 ô thích hợp cho mỗi dòng; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | *Rất kịp thời* | *Tương đối kịp thời* | *Không nhanh nhưng cũng không quá chậm* | *Chậm* | *Rất chậm* |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |  |

**B3. Rà soát, kiểm tra, tổng kết thi hành pháp luật về kinh doanh**

16. Theo Hiệp hội, trong năm 2014, Bộcó **xử lý hiệu quả các vi phạm trong thi hành pháp luật kinh doanhcủa cán bộ của** Bộ vàcác đơn vị trực thuộc không?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, đánh dấu ✓ vào 01 ô thích hợp cho mỗi dòng; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | *Rất hiệu quả* | *Khá hiệu quả* | *Hiệu quảtrung bình* | *Ít hiệu quả* | *Không hiệu quả* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |  |

17. Theo Hiệp hội,trong năm 2014, Bộ có **xử lý các vi phạm của doanh nghiệp** trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ một cách hiệu quả không?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, đánh dấu ✓ vào 01 ô thích hợp cho mỗi dòng; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | *Rất hiệu quả* | *Khá hiệu quả* | *Hiệu quả trung bình* | *Ít hiệu quả* | *Không hiệu quả* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |  |

18. Theo Hiệp hội, trong năm 2014, Bộ có **kịp thời phát hiện và điều chỉnh các bất cập về pháp luật** trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ không?

*(Đối với các Bộ mà Hiệp hội có thông tin, đánh dấu ✓ vào 01 ô thích hợp cho mỗi dòng; Bỏ qua các Bộ mà Hiệp hội không có thông tin)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | *Rất kịp thời* | *Khá kịp thời* | *Trung bình* | *Chậm* | *Rất chậm* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |  |

19. Cuối cùng, nếu tự nhận xét về mình, Hiệp hội cho rằng mình **biết (có thông tin)** về hoạt động **xây dựng** và/hoặc **thi hành các VBPL** của các Bộ trong năm 2014 ở mức độ nào?

*(Đánh dấu ✓ vào 01 ô thích hợp ở tất cả các dòng)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Tên Bộ*** | *Biết rõ* | *Biết tương đối* | *Biết chút ít* | *Không biết* |
| 1 | Bộ Công Thương |  |  |  |  |
| 2 | Bộ Giao thông vận tải |  |  |  |  |
| 3 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |  |  |  |  |
| 4 | Bộ Khoa học và Công nghệ |  |  |  |  |
| 5 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |  |  |  |  |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |  |  |  |
| 7 | Bộ Tài chính |  |  |  |  |
| 8 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |  |  |  |  |
| 9 | Bộ Thông tin và Truyền thông |  |  |  |  |
| 10 | Bộ Tư pháp |  |  |  |  |
| 11 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |  |  |  |  |
| 12 | Bộ Xây dựng |  |  |  |  |
| 13 | Bộ Y tế |  |  |  |  |
| 14 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |  |  |  |  |

Vui lòng nêu **những khó khăn** hay **thuận lợi** mà Hiệp hội nhận thấy trong quá trình tham gia vào hoạt động xây dựng/thi hành pháp luật với các Bộ để các Bộ rút kinh nghiệm, phục vụ doanh nghiệp tốt hơn?

Hiệp hội có **gợi ý gì** giúp (các) Bộ thực hiện tốt hơn hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật?

1. Các VBPL được xem xét trong MEI 2014 bao gồm các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư về hoạt động kinh doanh được các Bộ liên quan ban hành hoặc soạn thảo trong năm 2014. Mong Quý Hiệp hội tham khảo Danh mục các VBPL này tại trang http://[MEI.vibonline.com.vn](http://www.khaosat.vibonline.com.vn) hoặc liên hệ trực tiếp với chúng tôi. [↑](#footnote-ref-1)